

# MARKET LENS

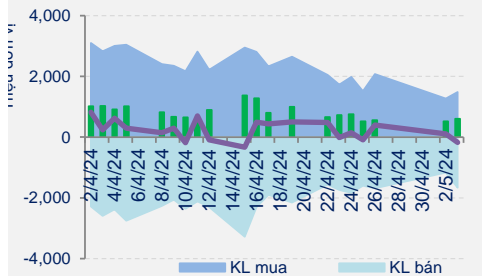
 Phiên giao dịch ngày: **3/5/2024**

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

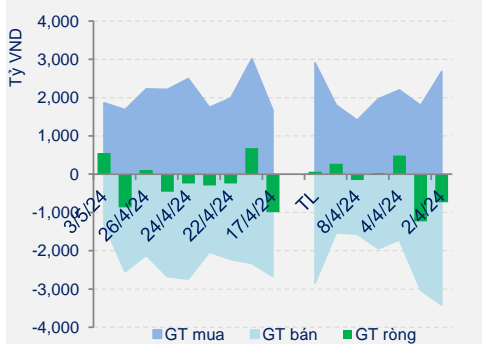
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,221.03	228.22
% Thay đổi	↑ 0.38%	↑ 0.32%
KLGD (CP)	600,836,048	68,077,890
GTGD (tỷ đồng)	16,991.18	1,402.13
Tổng cung (CP)	1,665,710,855	106,261,700
Tổng cầu (CP)	1,490,227,347	88,382,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	39,657,990	2,021,890
KL mua (CP)	44,914,360	2,833,500
GT mua (tỷ đồng)	1,863.78	96.37
GT bán (tỷ đồng)	1,309.83	67.15
GT ròng (tỷ đồng)	553.95	29.22

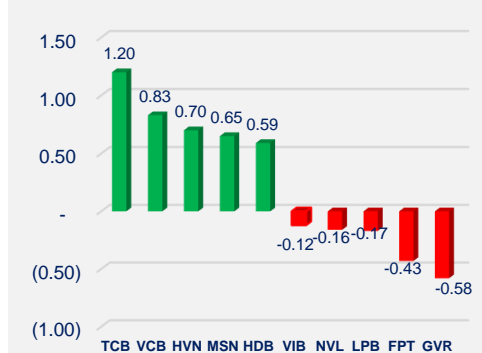
### Tương quan cung cầu HOSE



### Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp xu hướng hồi phục sau khi giảm mạnh, trong phiên hôm nay VN-INDEX tạo khoảng trống tăng giá vượt lên giá thấp nhất phiên giảm điểm mạnh ngày 15/04/2024 và hướng đến vùng giá 1.225 điểm, VN-INDEX rung lắc nhẹ trong phiên và giao dịch với thanh khoản kém trước khi cải thiện thanh khoản hơn trong phiên các quỹ ETF cơ cấu danh mục. Kết phiên VN-INDEX tăng 4,67 điểm (+0,38%) lên mức 1.221,03 điểm và đang hướng đến vùng kháng cự mạnh quanh 1.230 điểm tương ứng đường giá trung bình MA20 phiên hiện nay. HNX-INDEX tăng 0,73 điểm (0,32%) lên mức 228,22 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch duy trì tích cực với 315 mã tăng (12 mã tăng trần), trong đó có nhiều mã rất tích cực khi đã vượt đỉnh giá lúc VN-INDEX 1.295 điểm, 275 mã giảm giá (08 mã giảm sàn) và 150 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 18.384,85 tỷ đồng, tăng 19,68% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Mức độ phục hồi không đồng đều, phân hóa mạnh ở các nhóm ngành. Khối ngoại sau chuỗi bán ròng liên tiếp đã mua ròng trở lại trên HOSE với giá trị 553,84 tỷ đồng trong phiên hôm nay, phần lớn đến từ hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ ETF, mua ròng trên HNX với giá trị 29,22 tỷ đồng.

Theo hình hình kinh tế tháng 04/2024: Sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2024 ước tính tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 6,0% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,5%). Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 61,20 tỷ USD, giảm 5,2% so với tháng trước và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bốn tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 238,88 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15%; nhập khẩu tăng 15,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8,4 tỷ USD.

Tiếp xu hướng phục hồi, nhiều mã/nhóm mã tiếp tục có xu hướng tăng giá tích cực, vượt đỉnh cũ với thanh khoản khá đột biến như nhóm xuất khẩu đá/gỗ như PTB (+6,6%), VCS (+3,67%)... điện với VSH (+2,94%), REE (+2,65%), PPC (+2,09%)... Nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông bắt đầu có diễn biến phân hóa hơn, nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh sau giai đoạn tăng giá mạnh như VGI (-4,07%), CMG (-2,28%), FPT (-1,10%)... trong khi FOX (+9,68%), VTP (+2,34%), CTR (+1,96%)... vẫn tăng giá tích cực.

Các cổ phiếu ngân hàng tiếp tục phân hóa, có diễn biến kém tích cực hơn thị trường chung, đa số biến động hẹp, chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình với VBB (-5,51%), LPB (-1,46%), VIB (-0,93%)... ngoài các mã tăng giá tích cực, thanh khoản trên mức trung bình như HDB (+3,38%), TCB (+2,88%), VAB (+2,30%)... Các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến kém tích cực, đa số biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình trong bối cảnh thanh khoản thị trường đang ở mức thấp.

Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng phân hóa mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình như QCG (-4,66%), NVL (-2,34%), TDC (-1,69%), SJS (-1,30%)... ngoài một số mã tích cực khá nổi bật với NLG (+3,95%), FIR (+3,08%), PDR (+2,67%), KDH (+2,57%)... Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng phân hóa tích cực hơn, đa số biến động trong biên độ hẹp. Đa số các nhóm ngành khác đều có diễn biến tương tự, biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản dưới mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng 7,2 điểm (0,58%), chênh lệch âm gia tăng -6,02 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tiếp tục 7,76% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 đang phục hồi sau đợt giảm mạnh với hỗ trợ gần nhất quanh 1.232 điểm (giá thấp nhất ngày 15/04), kháng cự gần nhất quanh 1.255 điểm- 1.260 điểm. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -4,12 điểm đến 1,08 điểm so với VN30, mức chênh lệch thu hẹp, cho thấy các trader vẫn ưu tiên các vị thế các vị thế phòng ngừa rủi ro cho VN30..

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường tiếp tục tăng điểm phiên thứ 5 liên tiếp sau khi Vn-Index hình thành đáy w nhỏ, chúng tôi đã nhận định và dự báo xu hướng này trong các bản tin trước. Chốt phiên Vn-Index tăng +4,67 điểm (+0,38%) và đóng cửa ở 1.221,03 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn kịch bản tích cực đã xảy ra như chúng tôi nhận định khi Vn-Index vẫn tiếp tục xu hướng hồi phục sau đáy w nhỏ, đà hồi phục sẽ còn tiếp diễn hướng tới 1.250 điểm nhưng trong quá trình hồi phục sẽ có các nhịp rung lắc đan xen. VnIndex sẽ đối diện lại ngưỡng cản trung hạn 1.250 điểm và vận động chỉ số tại khu vực này sẽ quyết định xu hướng tiếp theo.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index đã trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và đang trong nhịp tăng ngắn hạn của vận động Swing trong kênh tích lũy, xu hướng trung hạn vẫn là vận động tích lũy và quá trình tích lũy có thể kéo dài hơn bởi thị trường sẽ cần nhiều thời gian vận động chặt chẽ lại. Tuy nhiên hiện Vn-Index đang vận động trong nửa trên kênh tích lũy nên cơ hội giải ngân trung hạn là không rõ ràng.

Thị trường vận động theo kịch bản tích cực và VnIndex vẫn đang có xu hướng tiệm cận trở lại ngưỡng cản trung hạn tại vùng 1.250 điểm, tuy nhiên sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp Vn-Index rất có thể sẽ có các nhịp rung lắc do đó cơ hội giải ngân ngắn hạn khá hạn chế và chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn giải ngân ở trạng thái vận động hiện tại, nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ đợi nhịp rung lắc điều chỉnh. Với nhà đầu tư trung - dài hạn, thị trường đang vận động trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm nhưng đang trong nhịp tăng ngắn hạn nên mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn khi Vn-Index đang vận động ở nửa trên của kênh tích lũy, nếu muốn giải ngân thêm nhà đầu tư trung hạn nên chờ nhịp rung lắc mới.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

3/5/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	59.20	47-51	60-61	52	10.1	115.2%	370.4%	Theo dõi giải ngân
DPR	38.6	34.5-36.5	43-44	35	16.4	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân
CTD	66	59-62	78-80	57	34.6	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	125.9	110-114	134-136	100	23.6	20.6%	20.4%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.75	18.09	23-24	21	14.7%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	32.15	32	38-39	31	0.5%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	32.35	32.2	37-38	31	0.5%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	15.15	14.2	18-18.5	14.5	6.7%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	38.60	36.8	43-44	37	4.9%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	29.50	28.75	32-33	27.8	2.6%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	125.90	114.2	134-136	122	10.2%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****NHNN hủy phiên đấu thầu vàng miếng, giá vàng tăng mạnh**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hủy phiên đấu thầu 16.800 lượng vàng miếng hôm nay (03/05) do không đủ số lượng doanh nghiệp đăng ký dự thầu. Đây là phiên thứ 3 kể từ khi khởi động tổ chức đấu thầu vàng miếng, và 3 trong 4 phiên dự kiến tổ chức đấu thầu vàng đã bị hủy. Nguyên nhân chính là giá chào đấu thầu khá cao dẫn đến giảm sức hút với các tổ chức tín dụng; doanh nghiệp có đủ điều kiện tham gia dự thầu; giá vàng trên thị trường đang neo cao và các rủi ro trong sức hấp thụ từ phía thị trường dẫn đến nếu tham gia và trúng thầu, khả năng bị "chôn vốn" vào lượng vàng đã trúng thầu nhưng chưa thể tái phân phối đưa ra thị trường hết cao, cũng dẫn đến những e ngại và mong muốn tham gia dự thầu. Trưa ngày 3/5, giá vàng SJC tăng mạnh sắp tiệm cận kỷ lục 86 triệu đồng/lượng - giao dịch quanh 85,3-85,6 triệu đồng/ lượng, tăng hơn 1 triệu đồng/lượng so với giá chốt phiên hôm 2/5. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế lại được đẩy lên khoảng 14 triệu đồng/lượng.

**Giá dầu thế giới linh xình quanh mức thấp nhất 7 tuần**

Giá dầu thế giới biến động trái chiều trong phiên giao dịch ngày 2/5, với biên độ giao dịch hẹp, khiến giá "vàng đen" vẫn neo gần mức thấp nhất trong 7 tuần. Thị trường năng lượng chịu áp lực từ nhu cầu toàn cầu suy yếu, lượng hàng tồn kho tăng và kỳ vọng Fed cắt giảm lãi suất đã mờ nhạt. Giá dầu ngọt nhẹ WTI giảm xuống 78,85 USD/ thùng, mức thấp nhất kể từ ngày 12/3. Giá dầu Brent tăng lên 83,67 USD/ thùng. Nhu cầu dầu diesel trên toàn thế giới sụt giảm cũng làm dấy lên mối lo ngại về việc tăng trưởng nhu cầu dầu chậm lại ở các nền kinh tế lớn. Để hỗ trợ giá dầu, OPEC+ có thể gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng nếu nhu cầu không tăng.

**Đề xuất mở rộng cao tốc TP HCM - Long Thành lên 10 làn xe**

Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, TP HCM và tỉnh Đồng Nai đề xuất mở rộng đoạn cao tốc TP HCM - Long Thành lên 10 làn xe thay vì 8 làn xe. Đoạn TP HCM - Long Thành thuộc Dự án đường bộ cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây đã đưa vào khai thác từ ngày 30/6/2016 với tổng chiều dài 55 km, trong đó phân đoạn TP HCM - Long Thành là 25,92 km. Việc mở rộng còn nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển sau khi một số công trình giao thông trọng điểm được đưa vào khai thác. Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) đã nghiên cứu, đề xuất mở rộng đoạn từ nút giao đường vành đai 2 TP HCM đến nút giao đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu với quy mô 8 làn xe, bảo đảm khả năng mở rộng lên 10 làn xe. Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà nhấn mạnh việc mở rộng đoạn TP HCM - Long Thành là vấn đề cấp thiết, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch hạ tầng giao thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Quý I/2024, PV Drilling (PVD) báo lãi sau thuế gần 149 tỷ đồng, gấp 2,8 lần cùng kỳ**

Báo cáo tài chính quý I/ 2024 của PVD cho thấy công ty đạt lãi sau thuế gần 149 tỷ đồng, gấp 2,8 lần cùng kỳ và hoàn thành 39% kế hoạch năm. PVD đạt doanh thu thuần 1.755,5 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ năm ngoái do có 1 giàn khoan hoạt động từ cuối tháng 3 so với quý I/ 2023 không có giàn khoan thuê, đồng thời doanh thu dịch vụ liên quan đến khoan cũng tăng. Lợi nhuận gộp đạt 450 tỷ đồng, tăng 89% so với quý I/ 2023. Các chi phí kỳ này của PVD cũng đồng loạt tăng. Năm 2024, PVD đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 6.200 tỷ đồng, tăng nhẹ so với thực hiện năm 2023; lợi nhuận sau thuế dự kiến giảm 30%, về mức 380 tỷ đồng. Tổng tài sản của PVD đạt 22.515 tỷ đồng, tăng 4% so với đầu năm.

**Techcombank triển khai việc chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 15%**

Ngày 2/5, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (TCB) đã có Quyết định triển khai việc chia cổ tức bằng tiền mặt và chia cổ phiếu thưởng. Cụ thể, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt là 22/5/2024. Tỷ lệ thực hiện là 15%/cổ phần, tức 1 cổ phần nhận 1.500 đồng. Số tiền dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 5.283 tỷ đồng. Ngày thanh toán cổ tức bằng tiền mặt là 5/6/2024. Ngoài ra, Techcombank sẽ phát hành hơn 3,5 tỷ cổ phiếu cho cổ đông, tương đương tỷ lệ phát hành là 100% (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 quyền nhận cổ phiếu, 1 quyền nhận cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Sau phát hành, vốn điều lệ của Techcombank sẽ tăng gấp đôi lên gần 70.500 tỷ đồng. Thời gian dự kiến phát hành trong vòng 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu.

**Bamboo Capital chào bán gần 267 triệu cổ phiếu BCG với giá cao hơn 20% thị giá trên sàn**

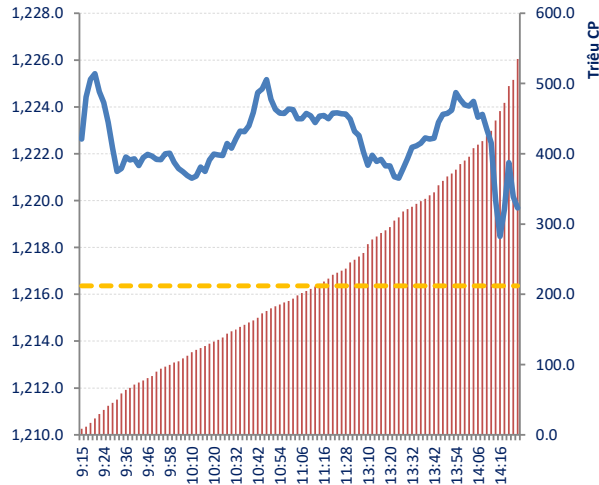
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) thông báo kế hoạch chào bán hơn 266,73 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp, cao hơn khoảng 20% so với giá kết phiên vào ngày 2/5. Các cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ, và số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng ít nhất trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Nếu hoàn tất đợt chào bán này, Bamboo Capital sẽ huy động được tổng cộng 2.667,3 tỷ đồng. Mục tiêu của đợt chào bán này là nâng cao năng lực vốn, phù hợp với tổng giá trị tài sản hiện có và bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty.

**TTC Land lãi 5 tỷ đồng trong quý đầu năm**

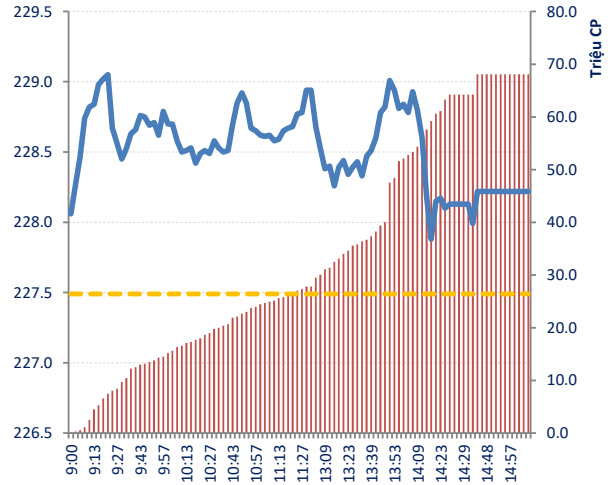
Công ty Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (TTC Land) ghi nhận doanh thu quý đầu năm gần 70 tỷ đồng, giảm 14% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ chuyển nhượng bất động sản, cho thuê các sản phẩm thương mại ở các dự án TTC Plaza Bình Thạnh, TTC Plaza Đức Trọng, Charmington La Pointe, dịch vụ quản lý tòa nhà. Biên lãi gộp tăng gần 15 điểm% lên 40,6%. TTC Land có hơn 67 tỷ đồng doanh thu tài chính, tương đương với cùng kỳ và chủ yếu từ cổ tức được chia. Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên 4 tỷ đồng. Kết quả công ty lãi ròng gần 4,8 tỷ đồng, dòng tiền kinh doanh âm hơn 177 tỷ đồng. Tính đến cuối tháng 3, tổng tài sản của TTC Land trên 10.658 tỷ đồng, tăng nhẹ so với đầu năm.



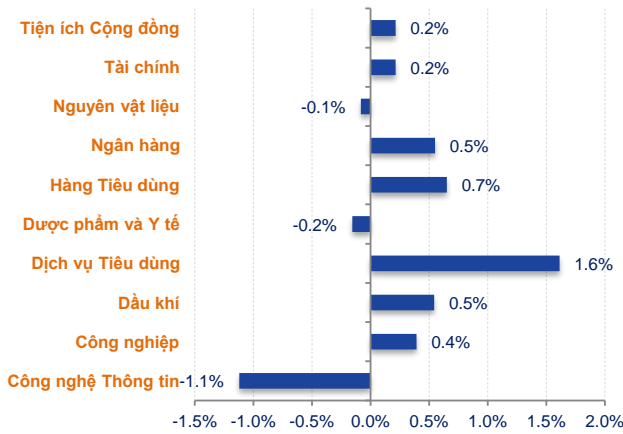
KLGD và VN-Index trong phiên



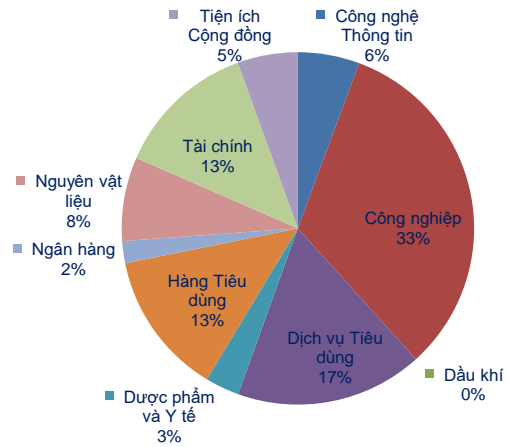
KLGD và HNX-Index trong phiên



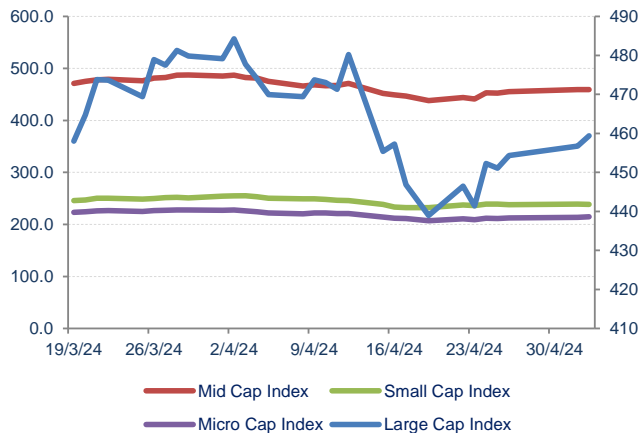
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



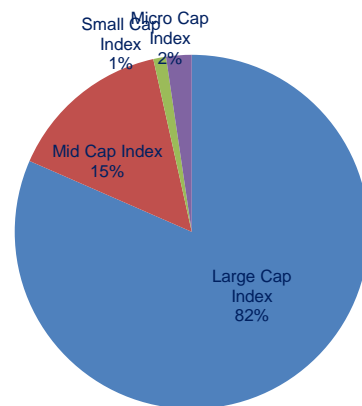
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	9,766,929	FUESSVFL	6,365,800	1	IDC	407,800	MBS	210,000
2	PDR	3,116,400	VHM	1,391,485	2	CEO	312,500	SHS	88,700
3	VRE	2,555,568	VPB	1,238,570	3	VGS	158,800	TVC	28,500
4	HPG	1,487,600	SHB	1,048,200	4	HUT	106,400	TAR	24,200
5	HSG	1,255,650	HDB	985,561	5	DDG	96,900	LAS	21,800

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
LPB	20.50	20.20	↓ -1.46%	40,427,900	SHS	18.20	18.20	→ 0.00%	13,165,428
MWG	55.60	55.70	↑ 0.18%	30,658,300	HUT	16.90	17.00	↑ 0.59%	8,296,320
SHB	11.70	11.60	↓ -0.85%	22,166,100	PVS	39.30	39.40	↑ 0.25%	6,144,639
NVL	14.95	14.60	↓ -2.34%	20,835,100	CEO	17.90	18.20	↑ 1.68%	5,657,420
HPG	28.35	28.65	↑ 1.06%	16,754,800	GKM	30.00	32.90	↑ 9.67%	3,784,112

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HVN	17.30	18.50	1.20	↑ 6.94%	KSQ	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
DXV	6.80	7.27	0.47	↑ 6.91%	BSC	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
HU1	5.50	5.88	0.38	↑ 6.91%	GKM	30.00	32.90	2.90	↑ 9.67%
PTC	5.40	5.77	0.37	↑ 6.85%	HMR	16.90	18.50	1.60	↑ 9.47%
VFG	64.00	68.30	4.30	↑ 6.72%	AAV	5.30	5.80	0.50	↑ 9.43%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QBS	1.44	1.34	-0.10	↓ -6.94%	L62	2.00	1.80	-0.20	↓ -10.00%
GTA	11.70	10.90	-0.80	↓ -6.84%	KKC	6.50	5.90	-0.60	↓ -9.23%
PMG	7.93	7.39	-0.54	↓ -6.81%	L43	2.20	2.00	-0.20	↓ -9.09%
TDM	50.00	46.75	-3.25	↓ -6.50%	VE3	9.90	9.00	-0.90	↓ -9.09%
FUEIP100	7.64	7.19	-0.45	↓ -5.89%	CET	7.70	7.00	-0.70	↓ -9.09%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	40,427,900	21.6%	2,914	7.0	1.4
MWG	30,658,300	4.4%	717	77.6	3.1
SHB	22,166,100	15.6%	2,151	5.4	0.8
NVL	20,835,100	1.4%	315	47.4	0.7
HPG	16,754,800	9.2%	1,601	17.7	1.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	13,165,428	5.7%	688	26.5	1.4
HUT	8,296,320	0.7%	97	173.8	1.3
PVS	6,144,639	7.1%	1,992	19.7	1.3
CEO	5,657,420	3.0%	402	44.5	1.5
GKM	3,784,112	17.5%	1,999	15.0	2.8

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HVN	↑ 6.9%	0.0%	(2,678)	-	-
DXV	↑ 6.9%	-8.0%	(847)	-	0.7
HU1	↑ 6.9%	0.1%	16	342.9	0.4
PTC	↑ 6.9%	1.8%	267	20.2	0.5
VFG	↑ 6.7%	26.4%	7,629	8.4	2.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSQ	↑ 10.0%	3.0%	265	11.3	0.3
BSC	↑ 10.0%	6.7%	820	14.6	1.0
GKM	↑ 9.7%	17.5%	1,999	15.0	2.8
HMR	↑ 9.5%	9.2%	1,214	13.9	1.3
AAV	↑ 9.4%	-2.1%	(246)	-	0.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	9,766,929	4.4%	717	77.6	3.1
PDR	3,116,400	7.8%	1,024	25.6	2.0
VRE	2,555,568	12.0%	1,966	11.6	1.3
HPG	1,487,600	9.2%	1,601	17.7	1.6
HSG	1,255,650	8.1%	1,423	13.9	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	407,800	31.7%	5,880	10.0	3.0
CEO	312,500	3.0%	402	44.5	1.5
VGS	158,800	6.1%	1,090	22.8	1.3
HUT	106,400	0.7%	97	173.8	1.3
DDG	96,900	-30.4%	(3,220)	-	0.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	513,637	20.0%	5,838	15.7	3.0
BID	280,461	18.1%	3,841	12.8	2.2
VHM	179,182	12.1%	5,074	8.1	0.9
CTG	173,719	16.2%	3,751	8.6	1.3
VIC	169,771	6.1%	2,307	19.2	1.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,470	31.7%	5,880	10.0	3.0
PVS	18,784	7.1%	1,992	19.7	1.3
HUT	15,083	0.7%	97	173.8	1.3
SHS	14,799	5.7%	688	26.5	1.4
THD	13,667	2.5%	395	90.0	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ASM	2.05	2.5%	580	19.1	0.5
KSB	1.87	3.7%	923	23.0	0.8
RDP	1.86	3.5%	428	10.5	0.4
HHV	1.83	3.8%	981	13.2	0.5
DIG	1.82	-0.3%	(38)	-	2.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.26	9.2%	1,214	13.9	1.3
HKT	4.10	1.6%	185	24.3	0.4
NHC	3.58	-2.2%	(397)	-	1.5
MCO	3.18	0.8%	97	187.9	1.4
TA9	2.97	14.7%	1,853	6.8	1.0





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	377.47	4.4%	717	77.6	3.1
FPT	88.68	22.8%	5,338	23.8	5.1
STB	78.19	17.7%	4,206	6.6	1.1
VIB	77.92	23.0%	3,317	6.5	1.4
TPB	71.45	13.9%	2,041	8.6	1.1

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	-185.24	26.2%	8,470	9.9	2.5
PNJ	-183.66	20.2%	5,949	16.2	3.1
TCB	-160.10	15.2%	5,606	8.4	1.2
VRE	-153.45	12.0%	1,966	11.6	1.3
HDB	-147.63	24.7%	3,834	6.2	1.4

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	3.91	4.5%	1,198	24.7	1.1
BIC	1.74	0.2%	58	520.2	1.2
CTR	1.53	28.4%	4,582	27.8	7.7
DIG	1.50	-0.3%	(38)	-	2.1
HPG	1.30	9.2%	1,601	17.7	1.6

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-5.68	26.0%	4,410	14.8	3.8
MSB	-2.05	14.9%	2,310	5.9	0.8
MWG	-1.02	4.4%	717	77.6	3.1
CNG	-0.53	14.1%	2,313	13.0	1.7
PTB	-0.48	11.5%	4,700	13.7	1.6

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	183.95	20.2%	5,949	16.2	3.1
TCB	181.31	15.2%	5,606	8.4	1.2
GMD	179.95	26.2%	8,470	9.9	2.5
HDB	171.20	24.7%	3,834	6.2	1.4
NLG	138.71	3.0%	1,041	37.7	1.1

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-922.96	4.4%	717	77.6	3.1
TPB	-90.33	13.9%	2,041	8.6	1.1
FPT	-89.08	22.8%	5,338	23.8	5.1
VIB	-77.92	23.0%	3,317	6.5	1.4
STB	-50.85	17.7%	4,206	6.6	1.1

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	546.51	4.4%	717	77.6	3.1
PDR	84.08	7.8%	1,024	25.6	2.0
VRE	59.60	12.0%	1,966	11.6	1.3
VCB	52.04	20.0%	5,838	15.7	3.0
MSN	47.98	0.8%	215	315.8	2.2

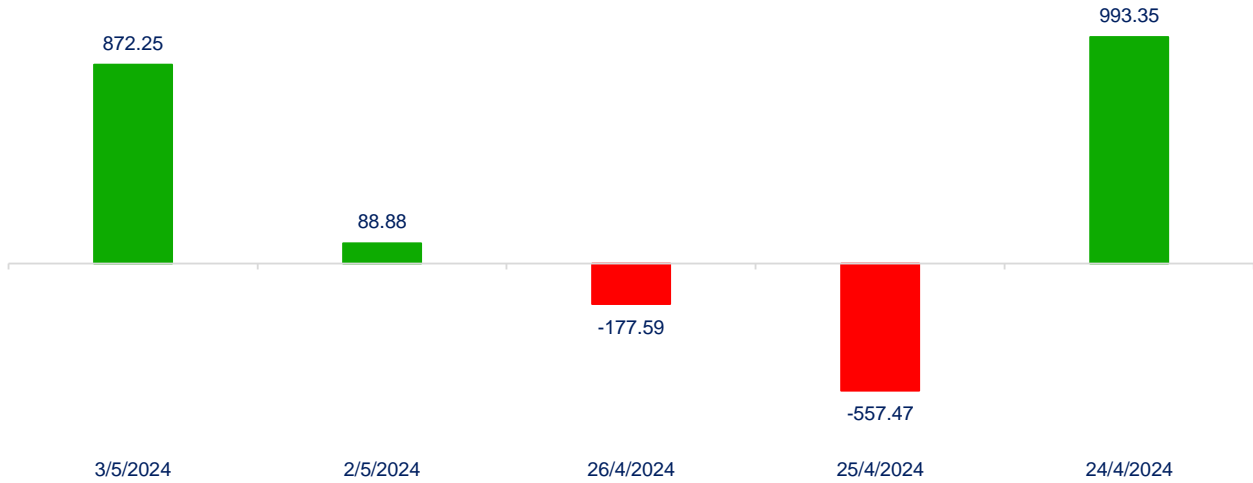
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-126.96	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	-57.90	12.1%	5,074	8.1	0.9
STB	-27.25	17.7%	4,206	6.6	1.1
GVR	-24.26	4.6%	628	47.8	2.1
HDB	-23.87	24.7%	3,834	6.2	1.4

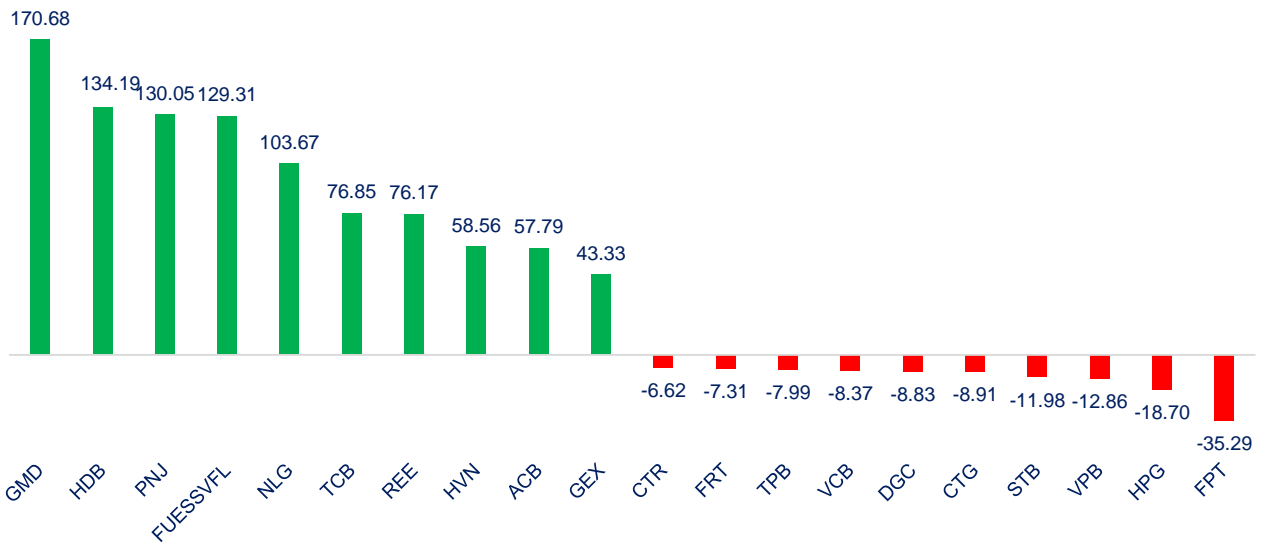


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)